

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 57/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa,
đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Xét Tờ trình số 5559/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020 gồm 22 dự án. Tổng diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất là 53,93 ha; trong đó, chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa là 53,73 ha, từ đất rừng là 0,2 ha.

(Chi tiết Danh mục các dự án kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG
LÚA, ĐẤT RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE TRONG NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG CỘNG	258,39	53,73	0,20			
I	THÀNH PHỐ BẾN TRE	51,78	8,93				
1	Khu đô thị mới Phú Tân	14,70	2,00		Phường Phú Tân	Nhà đầu tư	Năm 2022
2	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu ổn định đời sống dân cư Phường 8 và xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre-Kết hợp Đường D5	8,88	1,93		Phường 1, Phường 8, xã Phú Hưng	BQLDA đầu tư xây dựng các công trình NN và PTNT	Năm 2022
3	Khu đô thị mới Đông Bắc Phú Khương, thành phố Bến Tre	28,20	5,00		Phường Phú Khương	Nhà đầu tư	Năm 2022
II	HUYỆN CHÂU THÀNH	39,23	9,92				
1	Cụm Công nghiệp Long Phước	39,21	9,90		Xã Giao Long, An Phước	BQLDA Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp tỉnh	Năm 2022

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2	Trường TH Trần Văn Ôn	0,02	0,02		Xã Phước Thạnh	UBND huyện Châu Thành	Năm 2022
III	HUYỆN THẠNH PHÚ	27,23	5,86	0,20			
1	Nhà máy điện gió Nexif Energy; Tuyến đường dây đầu nối từ Nhà máy điện gió Nexif Energy đến Trạm biến điện Bình Thạnh Thạnh	8,00	2,50	0,10	Xã Bình Thạnh, An Thuận, An Qui, An Nhơn, Giao Thạnh, Thạnh Phong, Thạnh Hải	Công ty TNHH MTV Nexif Energy Bến Tre	Năm 2022
2	Nhà máy điện gió Thiên Phú (vị trí 3 và vị trí 6); trạm biến áp, nhà điều hành, đường dây đầu nối 22kV; đường dây 110kV	18,84	3,00	0,10	Xã Bình Thạnh, An Thuận, An Qui, An Nhơn, Giao Thạnh, Thạnh Phong, Thạnh Hải	Công ty cổ phần Đầu tư năng lượng Thiên Phú	Năm 2022
3	Mở rộng Trường Tiểu học An Thuận	0,09	0,06		Xã An Thuận	UBND huyện	Năm 2022
4	Nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Thạnh Phú	0,30	0,30		Xã Phú Khánh	UBND huyện	Năm 2022
IV	HUYỆN BA TRI	19,98	9,96				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Ba Tri	19,52	9,50		Xã An Bình Tây, thị trấn Ba Tri	Nhà đầu tư	Năm 2022
2	Đường ra đồng áp Thạnh Tân, xã Bảo Thuận	0,42	0,42		Xã Bảo Thuận	UBND xã Bảo Thuận	Năm 2022
3	Trường Mẫu giáo áp Thạnh Tân	0,04	0,04		Xã Bảo Thuận	UBND xã Bảo Thuận	Năm 2022
V	HUYỆN MỎ CÀY NAM	1,65	1,65				
1	Trường Tiểu học 2 Thị Trấn, huyện Mỏ Cày Nam	0,85	0,85		Thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Năm 2022
2	Trường THCS Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam	0,80	0,80		Xã Tân Hội	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Năm 2022
VI	HUYỆN MỎ CÀY BẮC	25,68	4,68				
1	Cụm công nghiệp Tân Thành Bình (giai đoạn 2)	24,00	3,00		Xã Tân Thành Bình	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Năm 2022

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2	Trạm 110kV Thanh Tân và nhánh rẽ đầu nối	0,48	0,48		Xã Tân Thành Bình	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Năm 2022
3	Trường THPT Nhuận Phú Tân	1,20	1,20		Xã Nhuận Phú Tân	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Năm 2022
VII	HUYỆN GIỒNG TRÔM	3,58	1,10				
1	ĐH.11: Từ ĐH.10 nối dài đến QL57C, huyện Giồng Trôm	3,58	1,10		Xã Bình Thành, Tân Thanh, Tân Hào	UBND huyện	Năm 2022
VIII	LIÊN HUYỆN	89,26	11,63				
1	Đường dây 110 kV Bến Tre-An Hiệp và Trạm biến áp 110 kV An Hiệp	2,37	1,50		Xã Sơn Hòa, An Hiệp, Tường Đa, huyện Châu Thành; xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre	Tổng công ty Điện lực miền Nam	Năm 2022

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2	Đường dây 110 kV Giao Long-Phú Thuận	0,80	0,50		Xã Giao Long, Giao Hòa, An Hóa, huyện Châu Thành; xã Long Định, Phú Thuận, huyện Bình Đại	Tổng công ty Điện lực miền Nam	Năm 2022; tăng diện tích 0,4ha so với NQ số 19/NQ-HĐND ngày 5/12/2017
3	Dự án Đường huyện 173 (Thành phố Bến Tre (7,37 ha); huyện Châu Thành (26,89 ha); huyện Giồng Trôm (35,24 ha); huyện Ba Tri (15,99 ha))	85,49	9,50		Thành phố Bến Tre: xã Sơn Đông, Phường Phú Tân; huyện Châu Thành: xã An Hiệp, xã Sơn Hòa, xã Hữu Định; huyện Giồng Trôm: xã Phong Năm, xã Phong Mỹ, xã Châu Hòa, xã Bình Hòa, xã Châu Bình; huyện Ba Tri: xã Mỹ Hòa, xã Tân Xuân	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bến Tre	Năm 2022

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4	Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	0,60	0,13		Các huyện: Châu Thành, Giồng Trôm, Ba Tri, Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam, Thạnh Phú	Tổng cục đường bộ	Năm 2022

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi